

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TMT22B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02228** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh chuyên ngành**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254801022263	Lê Minh An	27/11/2007			5	4.0	6.0		5.6		5.4
2	2254801022264	Nguyễn Tuấn Đạt	13/09/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2254801022265	Nguyễn Ngọc Giàu	22/10/2007			7	4.0	7.5		7.3		6.8
4	2254801022266	Mo Ham Mach Jia Haj	12/12/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
5	2254801022267	Nguyễn Lý Anh Hào	15/11/2007			8	8.0	8.5		7.9		8.0
6	2254801022268	Dương Gia Hiếu	22/10/2007			8	7.5	6.5		6.8		7.0
7	2254801022269	Mu Ham Mad So Ly Hin	07/07/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2254801022270	Nguyễn Thanh Hoàng	24/09/2006			9	9.0	8.0		2.8		5.1
9	2254801022271	Mu Ha Mach Fa Ix	26/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2254801022272	Phùng Trọng Khả	01/01/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2254801022273	Nguyễn Duy Khánh	12/10/1998			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2254801022274	Trương Nguyễn Khoa	29/11/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2254801022275	Lê Quang Anh Kiệt	14/04/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2254801022276	Lê Bảo Kỳ	10/11/2007			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
15	2254801022277	Đỗ Văn Nam	08/09/2007			8	9.0	5.0		6.8		7.0
16	2254801022278	Lê Hào Nam	11/11/2006			8	2.5	6.0		0.0	0.0	2.0
17	2254801022279	Đào Duy Phát	24/08/2007			8	7.0	9.0		6.5		7.1
18	2254801022280	Vũ Minh Phát	15/11/2007			7	10.0	10.0		9.1		9.2
19	2254801022281	Lê Thanh Phúc	10/07/2007			9	7.5	8.5		8.4		8.3
20	2254801022282	Mohamad Fa Shol	22/08/2005			8	8.5	9.0		8.4		8.5
21	2254801022283	Lê Dân Thông	09/09/2006			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2254801022284	Nguyễn Hữu Tín	22/02/2007			9	5.5	9.0		8.3		8.0
23	2254801022285	Nguyễn Nhựt Trường	02/10/2007			9	5.0	5.0		6.5		6.2
24	2254801022286	Nguyễn Công Tuấn Tú	02/05/2007			8.5	8.0	8.0		6.6		7.2
25	2254801022287	Trần Đức Thiên Tường	01/01/2007			9	3.5	7.5		0.0	0.0	2.5
26	2254801022288	Trịnh Quang Vinh	22/03/2005			10	8.5	9.0		7.9		8.3
27	2254801022289	Trần Tuấn Vỹ	09/11/2007			8	4.0	7.5		6.1		6.1
28	2254801022290	Nguyễn Thành Kiên	15/07/2003			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
29	2254801022291	Trần Hoàng Tín	29/09/2003			9	6.5	9.0		0.0	0.0	3.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 20 tháng 3 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trịnh Bửu Uyển